

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định việc trình, thẩm định phương án giá
đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc trình, thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và thay thế Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thẩm quyền hướng dẫn, lập, trình, thẩm định giá hoặc phương án giá đối với từng hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Công báo;
- Lưu: TH, KT, VX, XD, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Trí

QUY ĐỊNH

Việc trình, thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này quy định việc trình, thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

b) Những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có);

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc trình, thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

Quy định tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 3. Trình, thẩm định hồ sơ phương án giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở quản lý ngành, lĩnh vực trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính,

sở quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng phương án giá hoặc hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xây dựng phương án giá để kiểm tra, xem xét gửi Sở Tài chính thẩm định.

3. Hồ sơ phương án giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH, LĨNH VỰC TRONG VIỆC TRÌNH, LẬP PHƯƠNG ÁN GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.
2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.
4. Giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
5. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 5. Sở Xây dựng

1. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.
2. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
3. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.
2. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 7. Sở Công Thương

1. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
2. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
3. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Sở Giao thông vận tải

1. Giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh.

2. Giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

3. Giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

4. Giá dịch vụ sử dụng cảng, bến thủy nội địa được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý.

5. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

6. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Sở Tài chính

1. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

3. Giá nước sạch sinh hoạt (phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện).

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương (ngoài ngành, lĩnh vực quản lý của các cơ quan nêu tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy định này) theo quy định pháp luật.

5. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy định này.

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Lê Thành Trí